Thực trạng và nhu cầu trợ giúp xã hội của người khuyết tật (nghiên cứu tại tỉnh Khánh Hòa)

Đoàn Kim Thắng[*], Lê Trung Đạo[**]

Nhận ngày 16 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Tóm tắt: Bài viết đánh giá hiện trạng và nhu cầu trợ giúp xã hội (TGXH) của người khuyết tật trên địa bàn Nam Trung Bộ: trường hợp tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2011-2019. Dựa vào kết quả khảo sát mẫu 271 người khuyết tật đang hưởng và chưa hưởng TGXH do Trường Đại học Tài chính - Marketing (Bộ Tài chính) tiến hành tháng 5-6/2019 tại 15 xã/phường thuộc 05 huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa gồm: huyện Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa và thành phố Nha Trang. Mẫu khảo sát bao gồm 1.194 đối tượng TGXH, trong đó có 271 người khuyết tật đang hưởng và chưa được hưởng TGXH. Đây là đối tượng có cuộc sống hiện tại thật sự khó khăn, rất cần sự chung tay chia sẻ của cộng đồng xã hội, hỗ trợ từ chính sách nhưng chưa được nhận TGXH vì những lý do khách quan hoặc chủ quan. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, những khó khăn hiện tại mà nhóm này đang phải đối diện cần phải trợ giúp là vấn đề sức khỏe, việc làm tạo thu nhập và sự tiếp cận với các dịch vụ xã hội.

Từ khóa: Trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội thường xuyên, trợ giúp xã hội đột xuất, người khuyết tật.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The article assesses the current status and needs for social assistance of people with disabilities in the South Central region - the case of Khánh Hòa province in the period 2011-2019. Based on the results of a sample survey of 271 people with disabilities, some of whom have been receiving social assistance and the others have not, conducted by the University of Finance - Marketing (Ministry of Finance) in May and June 2019 in 15 communes/wards in five districts/towns/cities in the province namely Diên Khánh, Khánh Vĩnh, and Vạn Ninh districts, Ninh Hòa town and Nha Trang city. The survey samples include 1,194 subjects of social assistance, including the above-mentioned 271 people with disabilities. They have been leading a really difficult life, being in need of the support of the society and community, and support from policies, but have not received social assistance due to both objective and subjective reasons. The survey results show that the difficulties they are facing and need help to overcome are those related to the health, seeking employment to generate income, and the access to social services.

Keywords: Social assistance, regular social assistance, ad hoc social assistance, people with disabilities.

Subject classification: Sociology

1. Giới thiệu

Trợ giúp xã hội là một trong những trụ cột quan trọng không thể tách rời của hệ thống an sinh xã hội, là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia để trợ giúp nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương ổn định cuộc sống và tái hòa nhập cộng đồng. Việt Nam đã tiến hành thực hiện chính sách TGXH cho các đối tượng và đạt được một số kết quả khá quan trọng, khẳng định đường lối

[*] Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thangdk298@gmail.com
[**] Đại học Tài chính - Marketing Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính.

đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong việc nâng cao đời sống cho người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, điển hình như Luật Người khuyết tật, Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác người khuyết tật. Đến tháng 12/2020, cả nước đang thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng cho 3.149.226 đối tượng bảo trợ với tổng kinh phí hơn 18,050 nghìn tỷ đồng. Cả nước có khoảng 6,2 triệu người khuyết tật (NKT), chiếm 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên, trong đó có 58% là nữ; 28,3% là trẻ em, gần 29% là người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng. Cuối năm 2019, đã có gần 3 triệu NKT được cấp giấy chứng nhận khuyết tật (Cục Bảo trợ xã hội, 2020).

Cho đến nay, dù đã có nhiều chuyển biến tích cực về đời sống vật chất, nhưng kết quả đạt được trong đảm bảo an sinh xã hội còn hạn chế và chưa vững chắc, số người cần sự TGXH trên cả nước rất lớn. Theo Cục Bảo trợ xã hội (2020), cả nước có hơn 11,7 triệu người cao tuổi, trên 9 triệu người có công và thân nhân người có công với cách mạng, 6,4 triệu người khuyết tật từ 5 tuổi trở lên, hàng triệu người có vấn đề sức khỏe tâm thần, 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, có khoảng 3,75% hộ nghèo, 4,55% hộ cận nghèo, hơn 3,1 triệu đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, khoảng 2 triệu lượt hộ gia đình cần được trợ giúp đột xuất hàng năm. Do đó, việc thực hiện chính sách TGXH trong thời gian tới có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo ra tiền đề cho sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần củng cố những thành quả trong đổi mới kinh tế, chính trị, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, thường xuyên của nhân dân, tạo lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, tạo sự cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.

Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh, tổng dân số của Khánh Hòa vào thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2019 là 1.231.107 người (đứng thứ 32/63 tỉnh, thành phố trong cả nước), trong đó nam chiếm 49,75%, nữ chiếm 50,25%. Toàn tỉnh có 32 dân tộc đang sinh sống, trong đó 94,2% dân số là dân tộc Kinh, các dân tộc khác chiếm 5,8% bao gồm (Raglai, Hoa, Ê-đê, Cơ-ho, một nhóm nhỏ dân tộc Tày, Nùng, Mường, Thái, Chăm, Khơ-me, Thổ...) (Lê Xưa, 2019). Khánh Hòa hiện nay bao gồm 2 thành phố trực thuộc tỉnh (Nha Trang và Cam Ranh), 1 thị xã (Ninh Hòa) và 6 huyện (Vạn Ninh, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Cam Lâm và huyện đảo Trường Sa) với tổng diện tích 5.217,6 km². Năm 2020, toàn tỉnh có 18.326 NKT đang được trợ giúp, trong đó có 3.526 NKT đặc biệt nặng, 14.800 NKT nặng. Tỉnh Khánh Hòa đặc biệt quan tâm thực hiện các chính sách về an sinh xã hội như: ưu đãi xã hội, TGXH, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ việc làm, bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản và hỗ trợ người dân thoát nghèo, bảo đảm cuộc sống cho những người và gia đình chính sách, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người gặp rủi ro, bất trắc, cho học sinh, sinh viên của địa phương… Lãnh đạo tỉnh xác định nhiệm vụ an sinh xã hội ngang tầm và gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế trong mỗi chính sách, mỗi giai đoạn phát triển của tỉnh.

Cùng với người cao tuổi, NKT (bao gồm người lớn và trẻ em) là hai nhóm chiếm tỷ lệ lớn trong số các đối tượng TGXH của Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng. Nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng TGXH trong giai đoạn 2010-2020 để nhận diện một cách đầy đủ các đối tượng cần TGXH, cũng như các rào cản tiếp cận TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, nghiên cứu phân tích công tác TGXH đối với nhóm đối tượng NKT. Kết quả nghiên cứu dựa trên số liệu khảo sát 271 đối tượng NKT thuộc 2 nhóm đối tượng: (i) nhóm NKT đang hoặc đã thụ hưởng TGXH thường xuyên; (ii) nhóm người NKT chưa được hưởng TGXH thường xuyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được rút ra từ kết quả điều tra xã hội học tổng thể 1.194 đối tượng năm 2019. Trong số 271 người khuyết tật được khảo sát tại các địa bàn, số người đang được hưởng TGXH là 181 người (chiếm 15,24%

mẫu khảo sát tổng thể), số chưa được hưởng TGXH là 90 người (chiếm 7,54% mẫu khảo sát tổng thể). Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng TGXH trong giai đoạn 2010-2017 để nhận diện một cách đầy đủ các đối tượng cần TGXH, trong đó có NKT cũng như các rào cản tiếp cận TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

2. Khái niệm trợ giúp xã hội và người khuyết tật

Hai thuật ngữ "bảo trợ xã hội" và "trợ giúp xã hội" có nghĩa gần tương đồng nhau, tuy nhiên trong các văn bản, sách báo và giáo trình hiện nay phần lớn sử dụng thuật ngữ "trợ giúp xã hội". Các văn bản pháp luật về bảo trợ xã hội hiện hành sử dụng cụm từ "trợ giúp xã hội thường xuyên" thay cho "bảo trợ xã hội thường xuyên" hay "cứu tế xã hội thường xuyên".

Căn cứ một số văn bản chính sách liên quan như Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, Quy định về việc Trợ giúp xã hội đối với các đối tượng Bảo trợ xã hội; Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 về việc thành lập, tổ chức, hoạt động giải thể và quản lý các cơ sở Trợ giúp xã hội; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. TGXH được hiểu là: những sự giúp đỡ, trợ giúp của cộng đồng, của Nhà nước đến với các đối tượng yếu thế trong xã hội thông qua hình thức hỗ trợ về điều kiện sinh sống, về vật chất để các đối tượng trong diện được trợ giúp có thể phát huy khả năng tự bản thân lo liệu được cuộc sống, vượt qua được những khó khăn, và có thể dần tái hòa nhập vào cộng đồng. Chủ thể của TGXH ở đây là cộng đồng và Nhà nước. Đối tượng được TGXH là những người được gọi là "yếu thế", có khó khăn trong đời sống kinh tế, về sức khỏe, hay những người không nơi nương tựa, người cô đơn, trẻ mồ côi, có những thiệt thòi trong cuộc sống gồm 06 đối tượng, trong đó có NKT là đối tượng của TGXH (bao gồm cả trẻ em dưới 16 tuổi và người lớn là NKT). TGXH gồm: "TGXH thường xuyên" và "TGXH đột xuất". TGXH thường xuyên là chế độ trợ giúp do Nhà nước thực hiện hàng tháng nhằm bảo đảm đời sống tối thiểu cho đối tượng được hưởng. Đối tượng và chế độ TGXH thường xuyên được quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng bao gồm 06 nhóm đối tượng, trong đó có NKT. TGXH đột xuất là sự giúp đỡ về vật chất và các điều kiện sinh sống khác của nhà nước cho đối tượng khi gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai hoặc điều kiện sống gây ra. Đối tượng và chế độ TGXH đột xuất được quy định tại Điều 12 về "hỗ trợ lương thực" và 17 về "hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất" theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.

Theo Woodhams và Corby (2003), NKT là những người không có khả năng tự đảm bảo cho bản thân từng phần hoặc toàn bộ các hoạt động của cá nhân của cuộc sống xã hội do thiếu hụt bẩm sinh hoặc không bẩm sinh về thể chất hay tinh thần của họ. Còn theo Friedman và Owen (2017), thì NKT được nhận biết qua 3 thể dạng: tổn thương, hạn chế và sự bất lợi. Theo Luật Người khuyết tật Việt Nam năm 2010, NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn (Quốc hội, 2010).

3. Đặc điểm nhân khẩu học - xã hội người khuyết tật được khảo sát

Hầu hết NKT trong mẫu khảo sát là người Kinh. Tỷ lệ nam giới trong nhóm NKT đang hưởng TGXH là 61,1% và trong nhóm NKT không hưởng TGXH là 62,1%. Trình độ học vấn của đa số

NKT trong mẫu đều khá thấp, với trên 60% không quá cấp tiểu học. Khoảng 53% NKT đang hưởng TGXH là độc thân, trong khi tỷ lệ này trong nhóm NKT chưa hưởng TGXH chi gần 24%. Tỷ lệ đang có vợ/chồng là 30,5% trong nhóm hưởng TGXH và 36,4% trong nhóm chưa hưởng TGXH (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu xã hội của người khuyết tật được khảo sát

Đơn vị: %

Đặc điểm		Đang hưởng TGXH	Chưa hưởng TGXH
Giới tính	Nam	61,1	62,1
	Nữ	38,9	37,9
Nhóm tuổi	Dưới 15 tuổi	13,9	29,5
	Từ 15 đến 30 tuổi	15,6	11,5
	Từ 31 đến 60 tuổi	47,5	30,8
	Trên 60 tuổi	23,0	28,2
Dân tộc	Kinh	92,8	89,8
	Khác	7,2	10,2
Trình độ học vấn	Chưa hoàn thành lớp 1	36,3	24,6
	Tiểu học	31,7	40,6
	Trung học cơ sở	23,5	29,0
	Trung học phổ thông	7,2	5,8
	Cao đẳng, đại học	1,3	0,0
Hôn nhân	Độc thân	53,1	23,9
	Đang có vợ/chồng	30,5	36,4
	Ly thân/ly dị	4,0	3,4
	Khác (*)	12,4	36,4
Số NKT được khảo sát		181	90

Chú thích: (*) Những người có vợ/chồng nhưng không sống chung.

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

3. Thực trạng về sức khỏe và việc làm của người khuyết tật được hưởng và chưa được hưởng trợ giúp xã hội

3.1. Thực trạng về sức khỏe

Đa số NKT được khảo sát đều có sức khỏe kém và họ thường gặp khó khăn và rất khó khăn về tình hình sức khỏe do ảnh hưởng của khuyết tật. Phần lớn người khuyết tật gặp khó khăn về tật vận động (khuyết tật thân thể, tứ chi…), tiếp sau đó là nhận thức (thiểu năng trí tuệ, tâm thần…).

Cụ thể, có đến 84,3% gặp khó khăn và rất khó khăn (44,4% NKT có những biểu hiện "rất khó khăn"; 39,9% có biểu hiện "khó khăn") về sức khỏe. Khuyết tật ảnh hưởng hầu hết đến khả năng thực hiện các chức năng của cơ thể, trong đó nhiều nhất là chức năng vận động, nhận thức và chăm sóc bản thân. Kết quả khảo sát chung cho thấy mức độ biểu hiện "khó khăn và rất khó khăn" chiếm tỷ lệ lớn ở hầu hết trong các biểu hiện về sức khỏe, trong đó tỷ lệ cao nhất là "khó khăn về vận động" (94,9%); tiếp đến là "khó khăn về nhận thức" (88,0%) và "khó khăn về tự chăm sóc bản thân" (88,2%).

Riêng đối với nhóm người khuyết tật đang được hưởng TGXH (chiếm 10% tổng số NKT được khảo sát) cũng gặp khó khăn và rất khó khăn trong "chức năng nghe" (75,0%), "giao tiếp" (66,7%) và "chức năng nhìn" (63,6%).

Hình 1: Mức độ khó khăn về sức khỏe của NKT đang hưởng TGXH

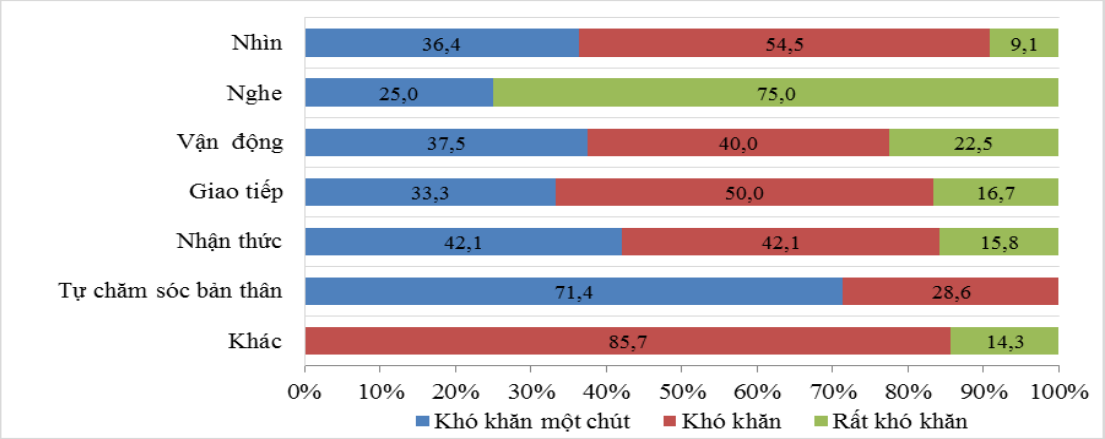

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Đối với nhóm NKT chưa hưởng TGXH, đa số họ gặp khó khăn về tật vận động như: khuyết tật thân thể, tứ chi (chiếm 40,0%); gặp khó khăn về nhận thức như: thiểu năng trí tuệ, tâm thần… (chiếm 19%); khó khăn do tật về giao tiếp như: câm, líu lưỡi, thiểu năng đọc… (chiếm 12%); về nhìn (mù, khiếm thị,…) chiếm 11%; mức độ khó khăn của dạng tật ảnh hưởng đến tự chăm sóc bản thân (tự kỷ, bại não…) chiếm 7%; về nghe (điếc, khiếm thính…) chiếm 4% và mức độ khó khăn của dạng tật về các vấn đề khác chiếm 7%.

Khuyết tật cũng ảnh hưởng hầu hết đến khả năng thực hiện các chức năng cơ thể đối với NKT chưa được hưởng các TGXH. Biểu hiện khó khăn và rất khó khăn chiếm tỷ lệ cao nhất là chức năng "nghe" (75,0%); "nhìn" (63,6%); "giao tiếp" (62,5%); "vận động" (62,5%) và "chức năng nhận thức" (57,9%).

Nếu xem xét mức độ "rất khó khăn" về sức khỏe của NKT được khảo sát, thì tỷ lệ cao nhất của NKT rất khó khăn về "vận động" (22,5%); tiếp theo là "giao tiếp" (16,7%); "nhận thức" (15,8%) và "nhìn" (9,1%) (hình 2).

Hình 2: Mức độ khó khăn về sức khỏe của NKT chưa hưởng TGXH

Đơn vị: %

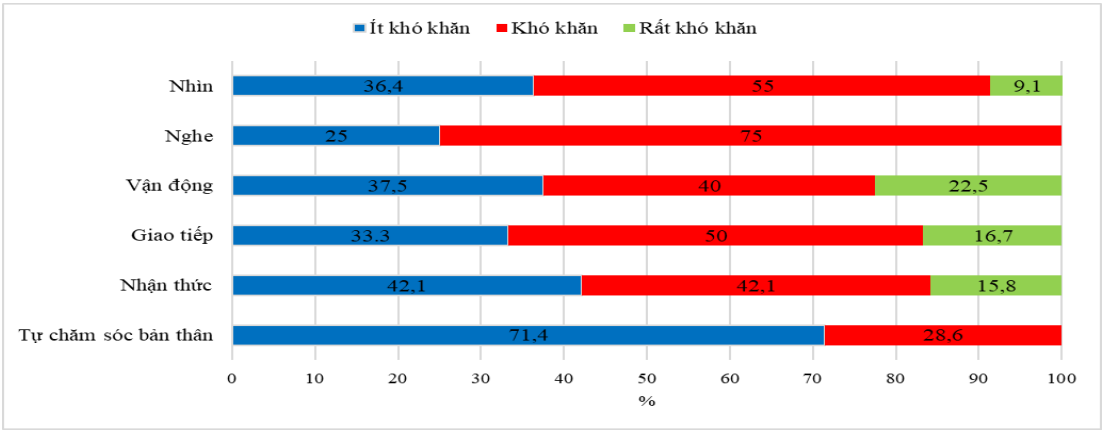

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

3.2. Thực trạng đời sống và việc làm

Hầu hết NKT không có khả năng lao động nên phần lớn họ không đi làm. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ NKT có khả năng lao động chỉ 17,4% và tỷ lệ tham gia làm việc là 16,6%. Có nhiều nguyên nhân khiến nhóm NKT đang hưởng TGXH không đi làm như: sức khỏe yếu (48,6%), khó khăn trong việc đi lại (16,5%), do tuổi còn nhỏ (14,4%), do ở nhà làm công việc nội trợ (2,1%), không xin được việc làm (1,4%), đang đi học (0,6%), và lý do khác (16,4%).

Bảng 2: Khả năng lao động và đi làm của NKT đang hưởng TGXH

	Khả năng lao động		Tham gia đi làm	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Không	147	82,6	146	83,4
Có	31	17,4	29	16,6
Tổng số	178	100,0	175	100,0

Nguồn: Số liệu khảo sát Khánh Hòa, 2019.

Trong số những NKT đang hưởng TGXH đi làm, công việc phổ biến nhất của họ là hỗn hợp (33,3%), tiếp đến là nghề nông (27,8%), buôn bán nhỏ (19,4%), công nhân (16,7%) và tỷ lệ thấp là dịch vụ cá nhân (2,8%).

Hai nguồn thu nhập chủ yếu và phổ biến nhất của nhóm NKT là từ TGXH thường xuyên (54,2%) và gia đình trợ giúp (35,2%). Tỷ lệ NKT có nguồn thu nhập từ lương hưu và tiền lương, tiền công chỉ khoảng 10,1% và từ TGXH đột xuất là 0,6%. Điều này phù hợp với điều kiện thực tế vì những NKTsẽ được xã hội, gia đình quan tâm và hỗ trợ. Hơn nữa, đa số họ không có khả năng lao động, nên thu nhập có từ tiền lương, lương hưu sẽ rất ít.

Khảo sát cho thấy, dù có đi làm hay không đi làm, có khả năng lao động hay không có khả năng lao động thì đa số NKT có nguồn thu nhập từ TGXH thường xuyên và gia đình trợ giúp. Tỷ lệ thu nhập từ TGXH trong nhóm NKT không đi làm là 52,1% và trong nhóm NKT có đi làm là 58,6%. Tỷ lệ có thu nhập từ TGXH trong nhóm NKT không có khả năng lao động là 51,7% và trong nhóm NKT có khả năng lao động là 64,5%. Như vậy, ngay cả có đi làm thì NKT vẫn phải phụ thuộc nhiều vào TGXH thường xuyên và gia đình.

Bảng 3: Nguồn thu nhập chính của NKT đang hưởng TGXH theo khả năng lao động

Đơn vị: %

Nguồn thu nhập	Khả năng lao động		Đi làm	
	Không	Có	Không	Có
Gia đình/ người đình trợ giúp	38,8	19,4	38,4	24,1
Tiền lương, tiền công	0,7	16,1	0,7	17,2
TGXH thường xuyên	51,7	64,5	52,1	58,6
TGXH đột xuất	0,7	0,0	0,7	0,0
Lương hưu, trợ cấp BTXH	8,2	0,0	8,2	0,0
N	147	31	146	29

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Tổng thu nhập trung bình hàng tháng của những NKT (bảng 4) vẫn còn thấp (1.076 ngàn đồng). Thu nhập từ tiền lương là cao nhất (trung bình 2.421 ngàn đồng) nhưng chỉ có 10,4% NKT có được thu nhập từ khoản này. Tiếp đến là tiền ưu đãi (1.183 ngàn đồng). Trợ giúp xã hội đột xuất và thu nhập khác cũng không đáng kể và ít NKT được nhận các khoản trợ cấp này. Không có ai nhận

được "lương hưu", "trợ cấp" hay từ "bảo hiểm y tế". Điều này khá đúng trong thực tế và những NKT, bản thân họ không đủ sức khỏe hoặc gặp khó khăn trong di chuyển, rất khó để họ có thể làm việc và có được thu nhập như những người khác.

Bảng 4: Các khoản thu nhập của người khuyết tật được khảo sát

Đơn vị: 1.000 đồng

	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn	N
Tổng thu nhập	1.076	90	7.200	1.319	166
Tiền lương	2.421	1.000	5.000	1.228	19
Ưu đãi người có công	1.183	850	1.515	470	2
TGXH thường xuyên	702	90	7.200	1.040	166
TGXH đột xuất	688	100	2.000	645	22
Thu nhập khác	1.054	300	2.000	519	13

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Đối với những NKT chưa được hưởng TGXH, tỷ lệ có khả năng lao động chỉ chiếm 27,8% và tỷ lệ có đi làm là 17,8%. Nguyên nhân số những NKT này còn nhỏ tuổi (34,8%) và sức khỏe không bảo đảm (30,3%). Phần lớn trong số họ sinh sống chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của gia đình và người thân (chiếm 60,9%).

4. Nhận thức, đánh giá và nhu cầu của người khuyết tật về chính sách trợ giúp xã hội

4.1. Nhận thức và đánh giá về chính sách trợ giúp xã hội

Về mặt nhận thức của NKT đối với các chính sách xã hội đang được triển khai, hiện nay, có nhiều chính sách xã hội mà chính phủ đang áp dụng để cải thiện cuộc sống của người khuyết tật như các TGXH, thăm khám chữa bệnh và một số chính sách giáo dục, vay vốn, dạy nghề… Các chính sách này đa dạng, nhưng NKT chủ yếu biết đến các chính sách về TGXH (62,6%) và khám chữa bệnh (28,5%), trong khi tỷ lệ biết các loại chính sách khác rất thấp (hình 3).

Hình 3: Nhận thức của Người khuyết tật về các chính sách hỗ trợ

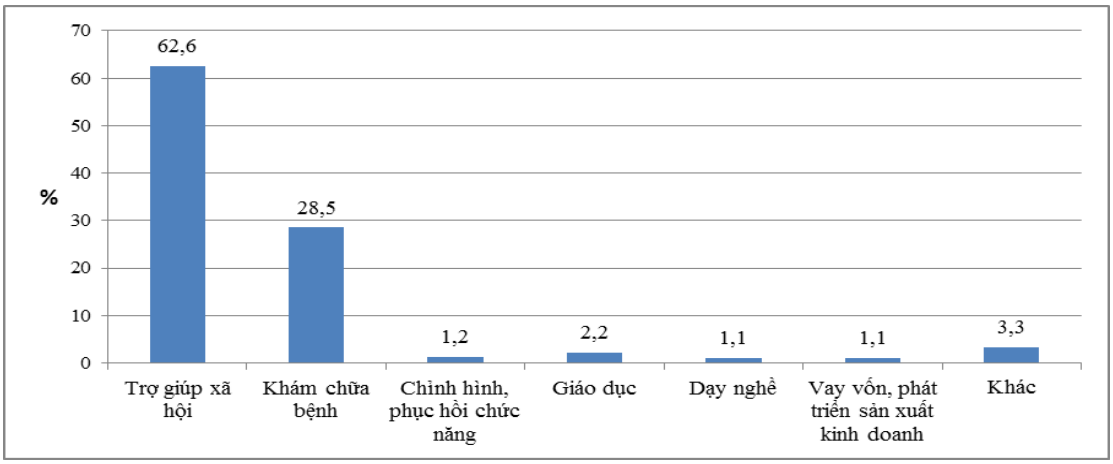

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đánh giá của NKT về các chính sách hiện đang được triển khai trên thực tế đã có hiệu quả hỗ trợ, cải thiện cuộc sống của NKT nhưng chưa nhiều. Tác dụng hỗ trợ cải thiện đời sống của từng loại chính sách với từng nhóm NKT cũng tương đối khác nhau. Với nhóm NKT đang hưởng TGXH, những hỗ trợ được NKT đánh giá có cải thiện và nâng cao rõ rệt cuộc sống của họ, tập trung chủ yếu vào "hỗ trợ thay đổi kinh tế" (83,6%); "hỗ trợ thay đổi sức khỏe" (78,1%); "hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần" (63,9%). Kết quả khảo sát cho thấy, về mặt đánh giá chung, 66,4% ý kiến cho rằng các hỗ trợ làm cho cuộc sống của NKT cải thiện nhưng chưa nhiều; chỉ có 10,7% ý kiến cho rằng cuộc sống của họ được nâng cao rõ rệt.

Bảng 5: Đánh giá của NKT đang hưởng TGXH về hiệu quả các hỗ trợ

Đơn vị: %

Các hỗ trợ	Được nâng cao rõ rệt	Có được cải thiện nhưng chưa nhiều	Chưa đánh giá được
Đánh giá chung	10,0	66,4	23,7
Hỗ trợ thay đổi kinh tế	5,7	83,6	10,7
Hỗ trợ thay đổi sức khỏe	11,3	78,1	10,6
Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần	10,8	63,9	25,3
Hỗ trợ tiếp cận công nghệ thông tin - truyền thông đại chúng	13,5	46,8	39,7
Hỗ trợ tiếp cận công trình công cộng - giao thông	9,1	55,9	35,0

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Theo đánh giá của nhóm NKT chưa hưởng TGXH, các hỗ trợ tuy có làm cải thiện cuộc sống NKT nhưng chưa nhiều. Những hỗ trợ được NKT đánh giá có cải thiện và nâng cao rõ rệt cuộc sống của họ tập trung chủ yếu vào "hỗ trợ thay đổi sức khỏe" (75,0%); "hỗ trợ thay đổi kinh tế" (66,1%). Về đánh giá chung, có 55,6% ý kiến cho rằng các hỗ trợ làm cải thiện cuộc sống của NKT nhưng chưa nhiều; chỉ có 8,2% ý kiến cho rằng cuộc sống của họ được nâng cao rõ rệt. Tỷ lệ "chưa đánh giá được" các hỗ trợ làm thay đổi cuộc sống của NKT đang hưởng TGXH vẫn còn dao động, thấp nhất là 10,6% (đối với hỗ trợ thay đổi kinh tế), đến cao nhất là 35,0% (đối với hỗ trợ nhằm giúp cho NKT tiếp cận với các công trình công cộng - giao thông).

Bảng 6: Đánh giá của NKT chưa hưởng TGXH về hiệu quả các hỗ trợ

Đơn vị: %

Các hỗ trợ	Được nâng cao rõ rệt	Có được cải thiện nhưng chưa nhiều	Chưa đánh giá được
Đánh giá chung	8,2	55,6	36,2
Hỗ trợ thay đổi kinh tế	12,5	66,1	21,4
Hỗ trợ thay đổi sức khỏe	7,5	75,0	17,5
Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần	2,6	44,7	52,6
Hỗ trợ tiếp cận công nghệ thông tin - truyền thông đại chúng	5,3	47,4	47,4
Hỗ trợ tiếp cận công trình công cộng - giao thông	11,4	37,1	51,4

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Có thể thấy, có nhiều chính sách hỗ trợ của nhà nước được triển khai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, tuy nhiên các chính sách hỗ trợ về khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và TGXH nói chung được nhiều NKT chưa hưởng TGXH biết đến. Hiện tại, chính sách mà NKT chưa hưởng TGXH đang hưởng chủ yếu là khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Điều này cho thấy, vẫn còn những bất cập trong việc phân bổ sự hỗ trợ đến người khuyết tật, bên cạnh đó tỷ lệ "chưa đánh giá được" vẫn còn đáng lưu ý ở một số chính sách hỗ trợ, như "hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần" (52,6%); "hỗ trợ tiếp cận công trình công cộng - giao thông" (51,4%); "hỗ trợ tiếp cận thông tin - truyền thông đại chúng" (47,4%). Còn 21,4% ý kiến NKT chưa hưởng TGXH cho biết chưa đánh giá được sự hỗ trợ nhằm "thay đổi kinh tế" của họ.

4.2. Nhu cầu, nguyện vọng của người khuyết tật về trợ giúp xã hội

Phần lớn NKT được khảo sát đang được hưởng TGXH (62,7%) biết Việt Nam có luật, nghị định cho NKT. Chỉ 59,3% đã được Nhà nước hỗ trợ. Có 52,6% NKT được khảo sát đánh giá rằng những hỗ trợ của Nhà nước là "phù hợp"; 17,3% cho rằng những chính sách hỗ trợ "rất phù hợp" với tình hình hiện tại. Tuy nhiên, những đánh giá "không biết" và "chưa phù hợp" vẫn còn cao (30,1%).

Bảng 7: Hiểu biết và đánh giá về các Luật, Nghị định của nhà nước hỗ trợ người khuyết tật

	Tỷ lệ (%)
Việt Nam có luật, nghị định cho người khuyết tật:	
- Biết về luật, nghị định	62,7
- Không biết	37,3
Hỗ trợ của Nhà nước:	
- Nhận được sự hỗ trợ	59,3
- Chưa nhận được sự hỗ trợ	40,7
Nhận định về sự phù hợp của các hỗ trợ cho người khuyết tật:	
- Rất phù hợp	17,3
- Phù hợp	52,6
- Chưa phù hợp	30,1

Nguồn: Số liệu khảo sát Khánh Hòa, 2019.

Tỷ lệ những NKT chưa được hưởng TGXH biết về luật, nghị định dành cho NKT cao hơn so với NKT đã được hưởng TGXH (71,3%). Có 68,6% NKT trong nhóm đối tượng này đã được nhà nước hỗ trợ, nhưng vẫn còn đến 31,4% không nhận được sự hỗ trợ, quan tâm của Nhà nước.

Cả hai đối tượng NKT đang được hưởng và chưa được hưởng TGXH đều có nhu cầu, nguyện vọng với tỷ lệ cao về khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe (79,5% đối với NKT đang hưởng và 62,0% NKT chưa được hưởng TGXH); các nhu cầu khác tuy tỷ lệ nhỏ hơn, nhưng "nhu cầu về việc làm" của những NKT đang hưởng TGXH cũng khá đáng kể (8,1% đối với NKT đang hưởng TGXH). Về nhu cầu trợ giúp khác để bảo đảm cho đời sống, sinh hoạt của NKT, tỷ lệ NKT chưa được hưởng TGXH cao hơn so với NKT đang được hưởng TGXH (31,0% so với 6,2%).

Hình 4: Nhu cầu, nguyện vọng của người khuyết tật về TGXH

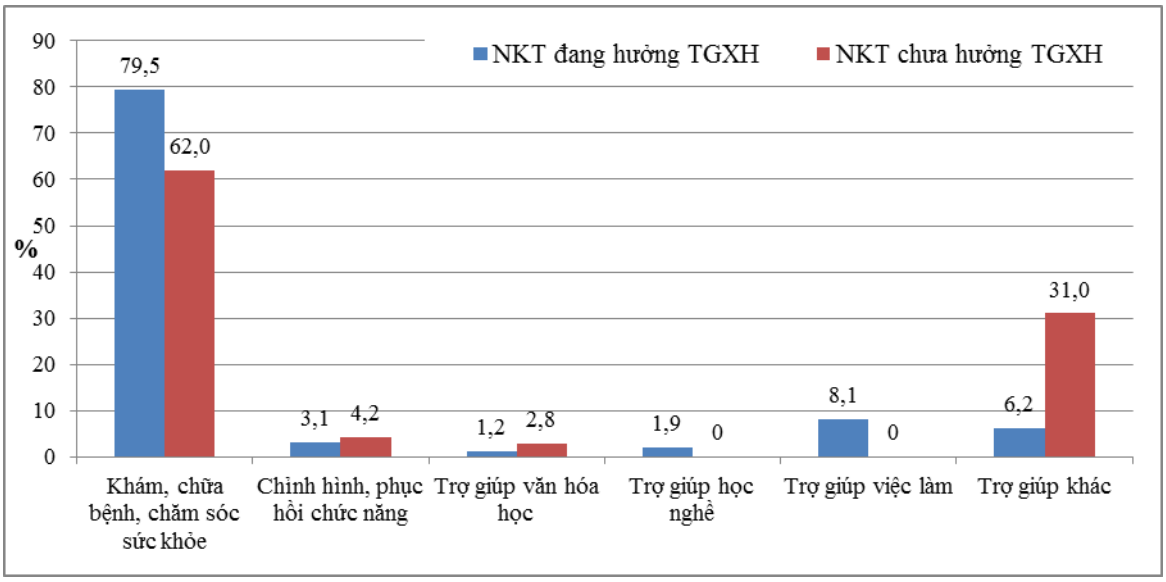

Nguồn: Số liệu khảo sát tại Khánh Hòa, 2019.

Có thể nói, NKT mong muốn nhiều đối với các chính sách TGXH hiện nay, nhưng trên hết, những NKT đều mong muốn được chăm sóc nhiều hơn về khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đây sẽ là những gợi ý cho mục tiêu cần được ưu tiên hàng đầu trong việc hỗ trợ NKT. Tỷ lệ thấp những NKT được hỏi quan tâm đến trợ giúp học văn hóa; trợ giúp học nghề… càng cho thấy mong muốn được TGXH về chăm sóc sức khỏe là cần thiết hơn cả. Nhìn chung các chính sách hỗ trợ có chỉ số đánh giá "có được cải thiện nhưng chưa nhiều" nói lên rằng, vẫn còn những bất cập trong việc phân bổ hỗ trợ đến NKT. Bên cạnh đó, tỷ lệ "chưa đánh giá được" về hiệu quả của những hỗ trợ của TGXH đối với đời sống, sinh hoạt của NKT vẫn còn đáng lưu ý ở một số nội dung cụ thể như: "hỗ trợ thay đổi về đời sống tinh thần" (52,6% đối với NKT chưa hưởng TGXH; 23,5% NKT đang hưởng TGXH); "hỗ trợ tiếp cận thông tin" (47,4% và 39,7%) hay "hỗ trợ tiếp cận với các công trình công cộng - giao thông" (51,4% đối với NKT chưa hưởng TGXH; 35,0% NKT đang hưởng TGXH).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Hiện nay, có nhiều chính sách xã hội mà Chính phủ Việt Nam đang áp dụng để cải thiện cuộc sống của NKT như: TGXH, thăm khám chữa bệnh và một số chính sách giáo dục, vay vốn, dạy nghề... Các chính sách này khá đa dạng, giúp nâng cao đời sống của NKT, nhưng phổ biến nhất là các TGXH và khám chữa bệnh.

Có nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước được triển khai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, các chính sách hỗ trợ về khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và TGXH nói chung được nhiều NKT biết đến. Nhìn chung các chính sách hỗ trợ có chỉ số để đánh giá được sự hỗ trợ của các chính sách TGXH đối với NKT chưa nhiều, cho thấy vẫn còn những bất cập trong việc phân bổ hỗ trợ đến NKT. Điều này nói lên rằng, vẫn còn những bất cập trong việc phân bổ các hỗ trợ đến NKT. Bên cạnh đó tỷ lệ "chưa đánh giá được" vẫn còn đáng lưu ý ở một số chính sách hỗ trợ.

Các hỗ trợ có làm cải thiện cuộc sống NKT, nhưng chưa nhiều. Những hỗ trợ được NKT đánh giá có cải thiện và nâng cao rõ rệt cuộc sống của họ tập trung chủ yếu vào hỗ trợ thay đổi kinh tế,

hỗ trợ thay đổi sức khỏe, hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần. Các khó khăn chủ yếu NKT gặp phải đó là khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; trợ giúp NKT trong sinh hoạt và vốn để sản xuất.

Là một trong số nhóm yếu thế, phần lớn NKT đều không có khả năng lao động vì không đủ điều kiện về sức khỏe hoặc tuổi còn quá nhỏ. Điều này dẫn đến hệ quả là NKT phụ thuộc khá lớn vào gia đình và người thân. Nguồn thu nhập chính của những NKT được hỏi trong khảo sát này là trợ cấp từ gia đình, rất ít người nhận được các khoản trợ cấp, trợ giúp từ xã hội. Hầu hết NKT trong khảo sát này không đi làm, lý do chủ yếu là vì sức khỏe và khó khăn trong việc đi lại. Việc này có thể khắc phục được bằng cách xây dựng các nơi ở tại nơi làm việc dành riêng cho NKT để họ không phải di chuyển khó khăn giúp họ làm việc và có thêm thu nhập.

Tổng thu nhập trung bình hàng tháng của NKT vẫn còn thấp, khoản thu nhập cao nhất là từ TGXH thường xuyên và phần lớn NKT nhận được khoản tiền này hàng tháng. Những khoản thu nhập khác không đáng kể và có ít người nhận được. Một số ít những NKT tuy vẫn có khả năng lao động nhưng họ không có công việc làm, mà sống nhờ vào gia đình. Như vậy, nên có những chính sách an sinh xã hội trợ giúp cho các gia đình có thân nhân là NKT để giúp giảm bớt gánh nặng kinh tế cho gia đình họ. Nhóm NKT chưa được hưởng TGXH sự lệ thuộc vào các hỗ trợ của gia đình và người thân gấp gần 3 lần so với những NKT đang được hưởng TGXH của nhà nước. Cả hai nhóm đều hiểu biết rõ về các luật, nghị định của nhà nước về TGXH cho NKT và có những đánh giá khá tích cực về sự hỗ trợ của nhà nước. Tuy nhiên, về nhu cầu và nguyện vọng của NKT cũng có những sự khác biệt đáng kể về các TGXH đối với hai nhóm. Mặc dù tỷ lệ cao của cả hai nhóm về nhu cầu được trợ giúp về "khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe", nhưng về các "trợ giúp khác" về các mặt đời sống sinh hoạt thiết yếu thì nhóm NKT chưa được hưởng TGXH có tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với nhóm đang được hưởng TGXH. Thực trạng này, cho thấy nên khuyến khích những người còn có khả năng lao động tham gia các khóa đào tạo nghề cho NKT (tùy theo tình hình sức khỏe, điều kiện của mỗi nhóm NKT) đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp tạo cơ hội làm việc cho NKT.

Trong thời gian tới, Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Khánh Hòa nói riêng sẽ phải đối mặt với một số thách thức ngày càng gia tăng như vấn đề già hóa dân số, biến đổi khí hậu (BĐKH) đến mọi người, trong đó có nhóm yếu thế. BĐKH đang ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế, sinh kế của người dân, đặc biệt là người nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương, trong đó có NKT. Các lĩnh vực được xác định sẽ chịu nhiều tác động của BĐKH như lao động, việc làm; tình trạng nghèo đói và công tác giảm nghèo; gia tăng nhu cầu TGXH và vấn đề bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Báo cáo phát triển con người năm 2007-2008 của Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) đã chỉ ra 5 nguy cơ của tình trạng BĐKH đang gia tăng hiện nay đối với sự phát triển của con người và cho rằng BĐKH đang ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế, sinh kế của người dân, đặc biệt là người nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương. "Rủi ro do biến đổi khí hậu sẽ tác động đến 40% những người nghèo nhất của thế giới, vào khoảng 2,6 tỷ người bị giảm hoặc mất các cơ hội trong tương lai" (UNDP, 2007). Ở Việt Nam, đại bộ phận dân số nghèo phải sống trong những môi trường khắc nghiệt, khiến họ rất dễ bị tổn thương trước những thảm họa khí hậu (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2011).

Trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng, cần có các giải pháp lồng ghép chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, trong đó đặc biệt quan tâm đến nhóm yếu thế trước các tác động của BĐKH. Mục tiêu của các giải pháp này cần hướng tới đảm bảo an ninh con người; điều kiện sống, tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người dân và sinh kế bền vững cho nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có NKT.

Cần phải có một hệ thống chính sách an sinh xã hội và TGXH đồng bộ, bao phủ và đủ sức làm tốt vai trò phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, trong đó đặc biệt quan tâm đến nhóm yếu thế trước các tác động của BĐKH. Mục tiêu của các giải pháp này cần hướng tới đảm bảo an ninh con người; điều kiện sống, tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho dân cư; và sinh kế bền vững cho nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có NKT. Bên cạnh đó, cần xây dựng các chính sách trợ giúp cho NKT hướng đến mục tiêu tăng cường hỗ trợ sinh kế phù hợp nhu cầu của đối tượng trong thiết kế chính sách.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011), Quyết định số 403/QĐ-LĐTBXH, về việc ban hành kế hoạch *hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011 - 2015.*
2. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật.*
3. Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) (2007), *Báo cáo Phát triển con người 2007/2008. Cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu: Đoàn kết nhân loại trong một thế giới phân cách.*
4. Quốc hội (2010), *Luật Người khuyết tật Việt Nam năm 2010.*
5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Khánh Hòa (2016), *Số liệu thống kê về đối tượng trợ giúp xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2016.*
6. Trường Đại học Tài chính - Marketing (Bộ Tài chính) (2019), *Số liệu Đánh giá Trợ giúp xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2019.*
7. Woodhams, C., & Corby, S. (2003), *Defining disability in theory and practice: A critique of the British Disability*.
8. Friedman, C., & Owen, A. L. (2017), "Defining disability: Understandings of and attitudes towards ableism and disability" Disability Studies Quarterly, 37(1).
9. Cục Bảo trợ xã hội (2020), "Kết quả thực hiện chương trình đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 và kế hoạch triển khai giai đoạn 2021-2030", http://btxh.gov.vn/, truy cập ngày 9/7/2021.
10. Lê Xưa (2019), "Tổng dân số Khánh Hòa hơn 1,2 triệu người", https://www.khanhhoa.gov.vn/vi/tin-hoat-dong-trong-tinh-0331/tong-dan-so-cua-tinh-khanh-hoa-hon-1-2-trieu-nguoi, truy cập ngày 8/11/2019.